TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 15/02/2022
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành Phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Nghĩa;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Tuy Hòa.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023.

1.Nguyên đơn: bà Lê Thị Quế T; sinh năm: 1995; Cư trú: đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2.Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thanh B: sinh năm: 1984; Cư trú: Khu phố M; phường P, thành phố T,tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2022, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Quế T trình bày: Do quen biết nên ngày 27/2/2021 tôi có cho chị B vay 440.000.000 đồng hẹn sau 06 tháng trả hết nhưng sau đó chỉ trả được 155.000.000 đồng, còn nợ lại 285.000.000 đồng. Tôi đã yêu cầu nhiều lần nhưng chị B vẫn không trả nợ. Sau khi tôi nộp đơn khởi kiện yêu cầu số tiền 285.000.000 đồng cho đến ngày Tòa thụ lý vụ án chị B đã trả cho nguyên đơn 68.000.000 đồng; Tổng cộng chị B đã trả được 223.000.000 đồng còn lại 217.000.000 đồng. Nên tôi khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh B trả số tiền trên và yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng từ tháng 27/04/ 2021 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày: thống nhât như nguyên đơn trình bày về khoản nợ 440.000.000 đồng và đã trả được 223.000.000 đồng. Chị B thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn Lê Thị Quế T số tiền 217.000.000 đồng; Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị hàng tháng trả 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi không trả được vì không có khả năng

Tại phiên toà: Nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày, đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ buộc nguyên đơn trả 217.000.000 đồng chứ không phải 285.000.000 đồng như đơn khởi kiện; và yêu cầu tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng từ tháng 10/2022 đến nay (vì tháng 10/2022 các bên chốt lại số nợ 217.000.000 đồng).

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay còn nợ về hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa ántống đạt hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Lê Thị Quế T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh B phải trả khoản nợ tiền vay gốc và lãi, HĐXX xét yêu cầu như sau:

Về khoản tiền vay gốc: Chị Nguyễn Thị Thanh B có vay tiền của chị Lê Thị Quế T số tiền gốc 285.000.000 đồng. Thể hiện qua giấy nợ tiền do chính chị B ký ngày 16/12/2021 là 285.000.000 đồng đã trả 68.000.000 đồng, còn lại 217.000.000 đồng; Do vậy, nguyên đơn Lê Thị Quế T yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Thanh B trả nợ gốc 217.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

Đồng thời, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Quế T do đã rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 68.000.000 đồng.

Về khoản tiền lãi: Do các bên không thỏa thuận lãi cũng như ngày trả tiền gốc tại các giấy vay nợ; trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng không chứng minh được thời gian yêu cầu chị B trả khoản nợ vay là khi nào. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất hiện nay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 09%/năm (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010) từ ngày hai bên chốt nợ gốc vào tháng 10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể như sau:

+ Số tiền nợ gốc 217.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 4 tháng 15 ngày = 7.323.750 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Hoàn trả cho nguyên đơn chị Lê Thị Quế T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Quế T; Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Lê Thị Quế T số tiền 224.323.750 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng); Trong đó: nợ gốc 217.000.000 đồng; nợ lãi: 7.323.750 đồng về khoản vay tài sản.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Quế T do đã rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[2] Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án trả nợ xong thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 11.216.000 đồng (Mười một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 5.425.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007878 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Phú Yên;*
- *Viện KSND T.P TuyHoà;*
- *Chi cục THADS TP Tuy Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *THA Dân sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Thành Trung